

Số: 4887/UBND-KTN

Bình Định, ngày 08 tháng 10 năm 2015

V/v sử dụng kinh phí dự phòng chi
ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí mua
giống cây trồng cạn để chuyển đổi
sản xuất cây trồng cạn trên đất sản
xuất lúa trong vụ Hè Thu năm 2015

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh

Thực hiện Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của UBND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ để ứng phó với hạn hán trong sản xuất nông nghiệp và dân sinh vụ Hè Thu, vụ Mùa năm 2015;

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các UBND các huyện triển khai mua và cung ứng giống các loại cây trồng cạn để hỗ trợ nhân dân chuyển đổi sản xuất cây trồng cạn trên đất sản xuất lúa do hạn hán vụ Hè Thu năm 2015, kết quả thực hiện như sau:

1. Tổng diện tích đã chuyển đổi sản xuất cây trồng cạn trên đất sản xuất lúa trong vụ Hè Thu năm 2015: 1.368,4318 ha; trong đó:

- Mức hỗ trợ 100%: 137,9060 ha.

- Mức hỗ trợ 50% : 1.230,5258 ha,

2. Tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các huyện: 2.489.990.000 đồng, bao gồm:

- Huyện Hoài Nhơn:	718.245.000 đồng;
- Huyện Phù Mỹ:	730.251.000 đồng;
- Huyện An Lão:	504.460.000 đồng;
- Huyện Phù Cát:	323.601.000 đồng;
- Huyện Tây Sơn:	9.200.000 đồng;
- Huyện Hoài Ân:	111.102.000 đồng;
- Huyện Vân Canh:	93.131.000 đồng.

3. Nguồn kinh phí:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ : 1.566.009.000 đồng.

- Ngân sách huyện đảm bảo: 923.981.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm)



UBND tỉnh kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất cho sử dụng dự phòng chi ngân sách tỉnh năm 2015 với số tiền 1.566.009.000 đồng để hỗ trợ cho các địa phương./. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Sở NN&PTNT, TC;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10(9b) *th*



TỔNG HỢP DIỆN TÍCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ MUA GIỐNG CÁC LOẠI CÂY TRỒNG CẠN TRÊN ĐẤT SẢN XUẤT Lúa CHUYÊN ĐỔI VỤ HÈ THU NĂM 2015

(Kèm theo Văn bản số 4887/UBND-KTN ngày 08/10/2015 của UBND tỉnh)

STT	Huyện	Diện tích đã chuyển đổi cây trồng cạn trên chân đất sản xuất lúa và kinh phí hỗ trợ																		Tổng cộng					
		Cây ngô				Cây Lạc				Cây đậu xanh, đậu đen				Cây Vừng				Giống rau các loại				Diện tích (ha)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Trong đó:	
		Diện tích (ha)	Định mức giống hỗ trợ (kg/ha)	Đơn giá (đ/kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Diện tích (ha)	Định mức giống hỗ trợ (kg/ha)	Đơn giá (đ/kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Diện tích (ha)	Định mức giống hỗ trợ (kg/ha)	Đơn giá (đ/kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Diện tích (ha)	Định mức giống hỗ trợ (kg/ha)	Đơn giá (đ/kg)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Diện tích (ha)	Định mức giống hỗ trợ (đồng/ha)	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ngân sách tỉnh hỗ trợ (đồng)			Ngân sách huyện hỗ trợ (đồng)	
A	B	1	2	3	4=1*2*3* mức hỗ trợ	5	6	7	8=5*6*7* mức hỗ trợ	13	14	15	16=13*14* 5*mức hỗ trợ	17	18	19	20=17*18* 9* mức hỗ trợ	21	22	23=21*22* mức hỗ trợ	24=1+5+...+ 21	25=4+8+...23	26	27	
1	Hoài Nhơn	111,4390	20		116.683.300	140,5076	200		592.712.000	0,7292	20		218.760	6.4316	6		1.890.890	6,4531		6.740.400	265,5605	718.245.000	359.122.000	359.123.000	
	- Mức hỗ trợ 100%	5,2443	20	100.000	10.488.600	7,6704	200	40.000	61.363.200									0,2873	2.000.000	574.600	13,2020	72.426.000	36.213.000	36.213.000	
	- Mức hỗ trợ 50%	106,1947	20	100.000	106.194.700	132,8372	200	40.000	531.348.800	0,7292	20	30.000	218.760	6.4316	6	98.000	1.890.890	6,1658	2.000.000	6.165.800	252,3585	645.819.000	322.909.000	322.910.000	
2	Phù Mỹ	123,1950	20		126.699.000	90,2400	200		374.276.000	0,9870	20		296.100	366,7990	6		112.845.000	112,3370		116.134.000	693,5580	730.251.000	365.125.000	365.126.000	
	- Mức hỗ trợ 100%	3,5040	20	100.000	7.008.000	3,3290	200	40.000	26.632.000				9,3510	6	100.000	5.610.600	3,7970	2.000.000	7.594.000	19,9810	46.845.000	23.422.000	23.423.000		
	- Mức hỗ trợ 50%	119,6910	20	100.000	119.691.000	86,9110	200	40.000	347.644.000	0,9870	20	30.000	296.100	357,4480	6	100.000	107.234.400	108,5400	2.000.000	108.540.000	673,5770	683.406.000	341.703.000	341.703.000	
3	An Lão	38,4800	20		48.468.000	64,6000	200		456.800.000												95,0800	504.460.000	504.460.000	0	
	- Mức hỗ trợ 100%	17,9800	20	100.000	35.960.000	49,4000	200	40.000	395.200.000												67,3800	431.160.000	431.160.000	0	
	- Mức hỗ trợ 50%	12,5000	20	100.000	12.500.000	15,2000	200	40.000	60.800.000												27,7000	73.300.000	73.300.000	0	
4	Phù Cát	25,8073	20		26.294.300	73,7450	200		262.517.500	5,9840	20		3.889.600	50,7760	6		6.113.160	24,6590		24.786.000	180,9713	323.601.000	161.800.000	161.801.000	
	- Mức hỗ trợ 100%	0,4870	20	100.000	974.000	1,2600	200	35.000	8.820.000				0,1670	6	40.000	40.080	0,1270	2.000.000	254.000	2,0410	10.088.000	5.044.000	5.044.000		
	- Mức hỗ trợ 50%	25,3203	20	100.000	25.320.300	72,4850	200	35.000	253.697.500	5,9840	20	65.000	3.889.600	50,6090	6	40.000	6.073.080	24,5320	2.000.000	24.532.000	178,9303	313.513.000	156.756.000	156.757.000	
5	Tây Sơn	7,7000	20		7.700.000								5,0000	6			1.500.000				12,7000	9.200.000	4.600.000	4.600.000	
	- Mức hỗ trợ 100%																				0,0000	0	0	0	
	- Mức hỗ trợ 50%	7,7000	20	100.000	7.700.000								5,0000	6	100.000	1.500.000				12,7000	9.200.000	4.600.000	4.600.000		
6	Hoài Ân	60,8300	20		63.871.500	8,5000	200		34.000.000									13,2300		13.230.000	82,5600	111.102.000	77.771.000	33.331.000	
	- Mức hỗ trợ 100%																				0,0000	0	0	0	
	- Mức hỗ trợ 50%	60,8300	20	105.000	63.871.500	8,5000	200	40.000	34.000.000									13,2300	2.000.000	13.230.000	82,5600	111.102.000	77.771.000	33.331.000	
7	Vân Canh	19,9000	20		27.563.500	7,1950	200		54.810.000	6,5000	20		5.785.000	2,1020	6		766.500	2,3050		4.205.000	38,0020	93.131.000	93.131.000	0	
	- Mức hỗ trợ 100%	19,6500	20	69.500	27.313.500	6,8500	200	39.000	53.430.000	6,5000	20	44.500	5.785.000	0,4020	6	100.000	241.200	1,9000	2.000.000	3.800.000	35,3020	90.570.000	90.570.000	0	
	- Mức hỗ trợ 50%	0,2500	20	100.000	250.000	0,3450	200	40.000	1.380.000				1,7000	6	103.000	525.300	0,4050	2.000.000	405.000	2,7000	2.561.000	2.561.000	0		
	TỔNG CỘNG	379,3513	20		417.271.600	384,7876	208		1.774.315.500	14,2002	20		10.189.460	431,1086	6		123.115.550	158,9841	2.000.000	165.095.400	1.368,4318	2.489.990.000	1.566.009.000	923.981.000	
	- Mức hỗ trợ 100%	46,8653	20		81.744.100	68,5094	200		545.445.200	6,5000	20		5.785.000	9,9200	6		5.891.880	6,1113	2.000.000	12.222.600	137,9060	651.089.000	586.409.000	64.680.000	
	- Mức hỗ trợ 50%	332,4860	20		335.527.500	316,2782	200		1.228.870.300	7,7002	20		4.404.460	421,1886	6		117.223.670	152,8728	2.000.000	152.872.800	1.230,5258	1.838.901.000	979.600.000	859.301.000	